

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/QĐST-HNGĐ

Ngày: 05-01-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Đỗ Thị A

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2017, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXX-ST ngày 18/12/2017 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

ĐCCL: 421B Hậu Giang, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/7/128 Nguyễn Chí Thanh, phường H, thành phố Huế.

ĐCCL: Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại bản tự khai nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Bà T và Ông Đ tự nguyện chung sống từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển 01/2008 ngày 13/5/2008.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Ông Đ không còn quan tâm đến

đời sống chung vợ chồng. Trong cuộc sống Ông Đhay gây gổ dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và không thể hòa giải được. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà T xin được ly hôn với Ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án Bà T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình tòa xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và các ý kiến đã trình bày trong bản tự khai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 04/5/2016. Khi ly hôn Bà T xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: Bà T khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Đ hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bồ Lá công an Thành phố Hồ Chí Minh có bản tự khai đồng ý ly hôn với Bà T vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông xác định vợ chồng có một con chung như bà T bày trình bày và đồng ý để Bà T nuôi dưỡng và xin không cấp dưỡng. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, quyền 01/2008 ngày 13/5/2008 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Trần Văn Đ và Bà Huỳnh Thị Thu T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà T yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Tại thời điểm Tòa thụ lý vụ án thì bị đơn Ông Đhiện đang chấp hành án Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T và bị đơn ông Trần Văn Đ có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Bà T xác định vợ chồng sống không hạnh phúc do Ông Đkhông quan tâm đến đời sống chung vợ chồng, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ do mâu thuẫn trong đời sống chung

cũng như bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề. Tình trạng này kéo dài mặc hai bên đã tìm nhiều biện pháp hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Bản thân Ông Đ cũng xác nhận vợ chồng không còn tình cảm đồng ý ly hôn nhưng do hiện đang chấp hành án nên đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà T xin ly hôn Ông Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 04/5/2016. Xét yêu cầu của Bà T xin được nuôi con thì Hội đồng xét xử nhận thấy : Trẻ Hải dưới 36 tháng tuổi và đang được Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bản thân ông Đ hiện đang không có điều kiện để nuôi con chung và tại bản tự khai ông Hải đồng ý để Bà T nuôi trẻ Hải. Do đó, việc giao trẻ Hải cho Bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi của trẻ cũng như quy định pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do Bà T không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.4] Về án phí : Bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Thu T được ly hôn ông Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao trẻ Trần Văn H, sinh ngày 04/5/2016 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay

đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001856 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với Bà T, ông Đ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P. Phú Hiệp, Tp. Huế;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn